

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

Kinh Ba-Lê

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[22/02/2022 - 12:06 - buithibuukim]

TRƯỜNG BỘ KINH

KINH TỆ TỨC (tt)

(Bài giảng ngày 17/10/2016)

Chúng tôi chỉ mất một phút để giải thích lý do vắng mặt trong thời gian vừa qua. Đó là chúng tôi nhận lời dạy dạy một lớp 7 ngày trên Dallas. Tiếp theo là 7 ngày tại Houston, sau đó trở về (..) dùng máy không tiện không vào room được. Chúng tôi không thể dạy bù, vì ở Houston chúng tôi dạy từ 9g sáng – 11g trưa. Nghỉ một lát rồi 2g trưa – 5g chiều. Nghỉ một lát rồi từ 7g – 10g đêm. Suốt nhiều ngày vậy nên vừa sụt cân vừa mất ngủ, sinh hoạt hơi ác vậy, nên không nghĩ đến chuyện dạy bù vì quá mệt!

Cũng phải nói thêm là chúng tôi thiết tha hy vọng những bài thu trong suốt thời gian đó mà bà con tìm lại liên lạc được những người trong room này thì rất là nên. Bởi vì đó là loạt bài giảng chúng tôi cho rằng rất căn bản về Phật học. Chẳng hạn như 12 Duyên khởi, về Bốn Đế, đặc biệt là Bốn Niệm Xứ.

Thưa quý vị, hôm nay chúng ta học tiếp bài Kinh Ba Lê. Hôm trước mình đã học rất đại khái rất sơ sài về bài Kinh Tệ Túc. Nó cũng có lý do chứ không phải không. Phải nói hôm đó chúng tôi lười, quá sức lười mà mệt nữa. Nhưng nội dung bài Kinh đó cũng mềm chứ không có gì ghê gớm.

Một ông vua không có niềm tin vào kiếp trước kiếp sau. Có một chuyện chúng tôi đã nói rất nhiều lần. Là có những người khoác lên mình cái màu áo gọi là trí thức hiện đại, cho rằng mình không tin quàng xiên, đồng cốt, không tin chuyện mê tín dị đoan, như vậy mình là người văn minh, người trí thức. Nhưng họ quên một chuyện là cẩn thận không bao giờ thừa. Đúng là chuyện quàng xiên đồng cốt mình không nên tin. Nhưng không phải cái gì mình không thích, hoặc không thấy, hay không chứng minh được thì đều cho là không có. Đó là chuyện rất không nên! Tôi nói nhiều lần rồi, mình muốn tin gì đó mình phải tìm một bằng chứng, chứng minh. Nhưng mình muốn phản bác, phủ nhận, chối bỏ một cái gì đó thì mình cũng phải có bằng chứng. Chẳng hạn giờ các vị nói rằng không có ma quỷ vì không thấy, không chứng minh được bằng kiến thức khoa học các vị có; thì tôi cũng xin hỏi ngược lại là bằng vào kiến thức khoa học các vị sở hữu, các vị đã tìm ra được chứng minh nào để xác minh rằng những ma quỷ, những hàng phi như quạt mây quạt mặt không có thật. Nhớ phải có phản biện nữa nghe. Chớ còn không chỉ có một chiều phiến diện thì cũng kẹt, nghe. Tôi không bắt trong room trở thành người mê tín dị đoan. (mắt âm thanh chút xíu). Tôi nhắc lại, mình không muốn tin cái gì đó thì mình cũng phải có bằng chứng như là mình phải có bằng chứng như khi muốn tin cái gì đó.

Các vị hỏi tôi có thần thông hay không. Tôi dĩ nhiên trả lời là không. Các vị hỏi tôi dựa vào cái gì mà tin Phật. Tôi trả lời thế này. Tôi dựa vào một số chuyện mà bản thân tôi có thể thấy được, cảm

nhận được. Chẳng hạn Phật dạy cái gì cũng vô thường, từ trăng sao hoa lá, cây cỏ đất đá, chim muông thú vật, những buồn vui, những thành bại trong một đời người. Với tuổi này tôi càng lúc càng thấy đúng là mọi sự mình không thể tin được! Nó hôm nay như vậy thì ngày mai hoặc chiều nay nó có thể khác đi. Một người sáng nay đi sông sông nhưng trưa nay họ có thể lăn đùng ra chết. Và họ mang theo bao nhiêu thứ từ danh phận, tình cảm, tương lai, bao nhiêu buồn vui, thể thốt hứa hẹn gì đi nữa cũng mang theo xuống mồ hết. Cho nên thứ nhất Đức Phật dạy vô thường tôi tin.

Điều thứ hai Đức Phật dạy rằng nếu vạn hữu là vô thường thì có đáng gì để mình đi kiếm tìm một cái tôi trong cuộc đời phù du ảo mộng này: tôi buồn tôi vui, người ta thương tôi, người ta ghét tôi, người ta tấn công tôi, người ta làm tổn hại tôi... Nhưng cái 'tôi' là gì? – Chính Đức Phật ngài dạy mình rõ cái này: Hành giả thấy rằng hơi thở ra nó không phải là hơi thở vào. Dĩ nhiên trong chánh niệm thì không có Kinh nào dạy như vậy. Kinh chỉ dạy đơn giản là 'Thở ra biết thở ra, thở vào biết thở vào. Thở ra ngắn biết ngắn. Thở vào dài biết dài. Thở ra bằng tâm trạng gì: khó chịu hay dễ chịu, thiện hay ác thì hành giả biết rất rõ'. Đó là chánh Kinh. Nhưng trong các kinh nghiệm Tuệ quán chúng ta biết được thì khi hành giả quán chiếu lâu ngày như vậy. Lâu là bao nhiêu. Lâu đây có thể là một ngày, một tuần, một tháng, một năm, tùy vào căn cơ của hành giả. Hành giả sẽ dần dần tiếp tục theo dõi như vậy, tiếp tục chánh niệm như vậy, tiếp tục biết mình và tỉnh thức như vậy. Dần dần hành giả sẽ nhận ra hơi thở vào không phải là hơi thở ra; hơi thở ra không phải là hơi thở vào; cái tâm biết hơi thở ra không phải là cái tâm biết hơi thở vào; cái buồn của hồi nãy không phải là cái buồn bây giờ; cái vui của khi nãy không phải là cái vui của bây giờ.

Đó, từ từ hành giả nhận ra cái đó. Và hành giả thấy rằng cái gọi là 'tôi' nó là sự lắp ráp rất là bề bồng. Tức là không có cái gì đi liên tục từ thời điểm này sang thời điểm khác. Chỉ trong một phút là đã không có, thì nói gì một giờ, một ngày một tháng, một năm rồi thì là một đời. Không có! Cho nên Phật dạy là lắp ráp, nó đã vô thường rồi là mình đã nản rồi. Hiểu thêm nó là đồ lắp ráp, đúng nó là đồ lắp ráp.

Một điều nữa là Ngài dạy mình tất thấy những buồn vui trong đời sống này là do mình áp đặt lên mọi sự những khái niệm. Khi mình áp đặt lên đó những khái niệm 'của tôi' thì mình sợ nó bị mất. Rồi mình ra sức mình bảo quản nó, giữ gìn nó, đổ mồ hôi, xót con mắt vì nó. Một ngày kia khi mình buông ý niệm 'của tôi' đi thì nó khác. Chẳng hạn mình nghĩ đó là chồng mình, vợ mình. Một ngày nào đó ly dị rồi thì chuyện xảy ra cho con người đó, cho thân xác đó, cho hình hài đó nó không còn ảnh hưởng vào nội tâm mình như là thuở nào nữa. Như vậy các vị thấy rõ ràng là cái buồn vui, cái dễ chịu khó chịu của mình nó luôn luôn gắn liền với những khái niệm, những ý niệm, những kinh nghiệm, những hồi ức. Nếu mình dần xếp lại cái đó, chắc chắn những buồn vui của mình nó sẽ khác đi rất nhiều.

Tôi nhớ đã xem ở đâu chuyện một người bao nhiêu năm công lưng làm lụng nuôi vợ nuôi con. Một ngày kia khi đưa bé bị bệnh phải chở vào bệnh viện thì ảnh mới phát hiện ra đưa bé không phải là con mình. Ngay lúc ảnh biết nó không phải là con của mình thì cảm giác nó như thế nào, tôi nghĩ rằng trong room đã hình dung được. Nó là sự xót xa, sự bề bồng, nó là cảm giác hụt hẫng không tả được. Cái đau thứ nhất là đưa bé được mình cưng chiều bấy lâu bấy giờ nó không phải là con mình nữa. Cái chuyện nó không phải con mình nó còn mở ra một vấn đề khác rất lớn. Đó là vợ mình đã cấm sừng mình. Người đàn bà mình đã thương yêu lo lắng bấy lâu nay đã phản bội mình. Đứa bé 8 tuổi là bà đã phản bội mình ít nhất 8 năm. Đứa bé 12 tuổi là bà đã phản bội mình ít nhất 12 năm. Đứa bé 6 tuổi là bà phản bội mình ít nhất là 6 năm, mặc dù có thể đó là một tai nạn hoặc chuyện tình một đêm, nhưng trong lòng một người đàn ông chuyện đó đâu đơn giản như vậy. Cho nên khi ông nhận ra đứa bé không phải con ông thì cảm giác trước nhất đối với nó ông không còn như ngày nào. Còn cảm giác với vợ ông không còn như thuở nào chỉ vì một ý niệm 'tôi là' và 'của tôi' mà thôi.

Cho nên ở đây hành giả quán chiếu danh sắc, quán chiếu 5 uẩn, 6 xứ, 12 xứ, 18 giới để nhận ra con mình: con của mình; vợ mình: vợ của mình. Vợ đây là 6 căn 6 trần. Con đây cũng là 6 căn 6 trần. Vợ con đây cũng là 18 giới (6 căn+ 6 cảnh+ 6 thức).

Khi nhận ra như vậy, hành giả tự nhiên có sự buông bỏ. Dĩ nhiên trong room này có nhiều người nghe đến đây cười thâm: 'Ưa ông giảng vậy mà ông hết phiền não chưa, mà mình đã nghe giảng

bao nhiêu năm nay mà mình đâu có hết phiền não đâu?’. Tôi xin nhắc lại câu chuyện cái anh chàng bị chứng thần kinh phân liệt thấy mình là hột thóc (không biết trong room còn nhớ không?). Anh bị chứng tâm thần nghĩ mình là một hột thóc. Cho mình là hột thóc nên anh sợ bị gà ăn, anh cứ chun vô tủ trốn. Gia đình đưa anh vô bác sĩ, chữa được thời gian thấy anh lành cho về. Được ít hôm gia đình lại chở anh vô bệnh viện. Bác sĩ nói: ‘Sao bữa hôm thấy anh ok rồi mà’. Anh nói: ‘Thưa bác sĩ em biết. Em là con người. Em không thể nào là hột thóc, em biết hết tron, nhưng em sợ mấy con gà nó không biết!’.

Các vị thấy không? Cái biết của anh về thân phận con người của anh nó giống hệt như cái biết của tất cả phàm phu chúng ta về thân phận vô ngã vô thường của mình. Là sao? – Tức là anh này biết anh không phải hột thóc, nhưng cái biết của anh ngờ ngợ, ngờ ngợ. Anh ngờ ngợ ít nhất là 3 điểm: anh ngờ ngợ về hình dáng và trọng lượng hột thóc + anh ngờ ngợ về trọng lượng và hình dáng của con gà + anh ngờ ngợ về hình dáng và trọng lượng của anh, làm sao với sức vóc mấy chục kí của anh mà bị con gà hai ba kí nó nuốt được? Có nghĩa trong cái biết của anh có cái gì đó nó ngờ ngợ. Trong vũ trụ bao la này làm gì có hột thóc nào mấy chục kí như hình hài của anh? Cho nên nếu anh biết rõ con gà nó ra sao, hột thóc ra sao và hình hài anh ra sao thì không cách chi mà anh có cái sợ kỳ cục là sợ con gà nó không biết anh không phải là hột thóc!

Mình cũng vậy. Mình học Đạo nhưng không hành trì, không thường xuyên thực tập quán chiếu, cho nên ai đụng tới mình, chỉ cần một email thôi, một message thôi, một câu nói thôi, thậm chí một ánh mắt một kiểu nhìn, một kiểu cười đều nhếch mép mình cho rằng coi thường là mình đã nổi điên nổi dịch lên. Vì sao? – Vì cái biết của mình về vô ngã vô thường nó ở cái mức ngờ ngợ thôi, nó lan man, nó mang máng thôi. Cái đó phải tự mình hiểu. Đừng có cười cái anh bị tâm thần phân liệt hỏi này tôi kể, tưởng anh khùng. Hổng có. Mình khùng cũng cỡ anh! Bởi vì nếu không ngờ ngợ về mình, không ngờ ngợ về lời Phật thì mình đã không nổi dịch vì cho rằng mình bị tổn thương.

Tôi cũng vô cùng ngạc nhiên khi thấy không ít người cứ hành trì ba mớ, học giáo lý ba mớ tự cho mình giỏi khi họ quên mất một chuyện vô cùng quan trọng. Đó là, kiến thức giáo lý nó chẳng là cái gì để anh tự hào hết khi nó chưa đủ để anh ‘sống với lũ’. Nói kiểu trong nước, tức là sống với phiền não. Cái giáo lý anh học nó không đủ để hộ trì anh thì anh lấy gì để tự hào tự mãn tự kiêu tự đắc tự tôn? Và nếu anh có chấm dứt được phiền não, anh có là một vị thánh, thì một lần nữa chuyện anh trở thành thánh cũng chẳng là gì để tự hào hết. Bởi vì như xưa nay anh bệnh giờ anh hết bệnh thì chỉ có khùng mới tự hào hết bệnh! Mình mừng không hết thì thôi chớ có gì mà tự hào tự kiêu!

Dĩ nhiên là tôi đang nói từ góc độ phàm phu mình chớ các bậc thánh thì hoàn toàn không phải vậy. Ai là thánh thì mình phải quỳ lạy, bởi vì đó là của hiếm trong vũ trụ. Bởi vì trong cuộc đời này, kẻ mà có đủ nhận thức để thương người để chán đời là đã hiếm; nói chi một người đã dứt hẳn phiền não, dứt một cách triệt để, thì người đó là đáng quý đáng kính. Người đó phải tu tập hàm dưỡng trong nhiều đời nhiều kiếp.

Tôi cũng đã nói không biết bao nhiêu lần. Là chúng ta đến với Đạo có hai tâm thái:

- Tâm thái tu hành kiểu lượm ve chai, cầu phước báo, cầu trí tuệ, cầu công đức, cầu hạnh lành, mong được cái này đắc cái kia.

- Kiểu tu an toàn là kiểu của người đi đổ rác: thấy cái gì rác là đổ, cứ như vậy. Nếu ai hỏi tôi thì tôi đề nghị thế này: ĐỪNG MONG THÀNH THÁNH, NẾU CÓ PHẢI MONG THÌ CHỈ MONG ĐỪNG LÀ PHẠM NỮA. Bởi khi chúng ta có lòng mong thành thánh thì nguy hiểm vô cùng. Thường khi chưa kịp thanh thánh thì đã TUỞNG mình là thánh. Cái này nó bậy vô cùng! Rồi bồ thí ba mớ đã cho mình là Visakha, Cấp Cô Độc. Giữ giới ba mớ tưởng mình là ngài Upali. Đầu đà hai ba đêm tưởng mình là Ca Diếp. Học ba bốn bài giáo lý tưởng mình là ngài A Nan. Suy nghĩ được ba mớ tưởng mình là ngài Xá Lợi Phất,... Thật ra tất cả những HIỂM NẠN đó đi ra từ đâu? – Từ cái chỗ anh tu bằng tâm trạng NGƯỜI LƯỢM VE CHAI. Anh tu để anh huơ. Còn anh tu kiểu người đi đổ rác thì an toàn lắm: cứ thấy rác là đổ. Cứ thấy rác là đổ!

Người giữ chánh niệm cứ thấy nó vui thì biết ĐÂY LÀ THAM. Làm ơn, làm cũng được. Dầu nó không phải tham mà mình ghi nhận nó tham cũng không sao, vì nó không có hại. Chỉ cần biết nó vui nó thích thì ‘đây là tham’. Thấy nó mát, lằng lằng biết ‘đây là thọ lạc’. Thấy vui thấy thích biết nó ‘tham’ cho tôi. Tôi bảo đảm 99% là đúng. Trong room này có người học A Tỳ Đàm thế nào cũng

đòi cái với tôi, các vị nói là có tâm tham thọ hỷ cũng có tâm thiện thọ hỷ thì đồ cái gì? – Tôi kêu ‘đồ’ đây là ghi nhận ‘tâm tham’ cho tôi. Không có nguy hiểm gì hết, cứ đi hỏi các vị cao tăng coi ông nói vậy có đúng không. Thà hiểu lầm tâm Thiện thọ hỷ là tâm tham, hiểu lầm vậy còn không nguy hiểm bằng tưởng tâm Tham thọ hỷ là tâm Thiện thọ hỷ là chết! Nhớ cái này.

Thứ hai là cỡ mình thiện nó hiểm như sao ban ngày. Cho nên cứ thấy khoái khoái, thấy vui vui cứ đẩy hết là ‘bất thiện’ cho tôi. Cứ ghi nhận đây là tâm bất thiện. Còn không thì ‘đây là tâm thọ hỷ, Hỷ đây là Hỷ vô thường’. Cứ nhớ như vậy nó an toàn hơn.

Tôi tin Phật. Tôi không có thần thông, nhưng vì sao tôi tin Phật? – Tôi tin vì những điều tôi vừa nói trên. Phật dạy mọi thứ là vô thường, mọi thứ là lắp ráp. Những buồn vui của mình là do những ảo giác, những vọng niệm mà ra. Phật dạy hạnh phúc thật sự của thế gian vốn dĩ không có. Hạnh phúc của thế gian đi ra từ phiền não, từ ảo giác. Mình do có thích mới có ghét. Do có đam mê mới có bất mãn. Phật dạy rằng nếp sống an toàn nhất chỉ là CHÁNH NIỆM. Các vị vào Trường Bộ, bài Kinh Chuyển Luân Thánh Vương và bài Ưu Đàm Bà La – Sư Tử Hống coi có phải như vậy không.

Bài Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Đức Phật ngài dạy: “Này các tỳ kheo, giống như con chim cút nó ẩn thân bằng cách chun xuống dưới mấy luống cày, nhờ vậy mấy loài chim lớn không ăn thịt nó, hoặc như con rùa giấu mình trong cái mai mới được an toàn. Giống như vậy thì vị tỳ kheo không nên lai vãng trong ma giới (cảnh giới của phiền não) bằng cách an trú trong Bốn Niệm Xứ”.

Chỗ an toàn nhất của phàm phu mình chính là sống trong chánh niệm. Bởi vì chỉ có chánh niệm anh mới có cơ hội anh ‘sờ’ được các công đức anh muốn, mặc dù TU KHÔNG PHẢI CẦU CÔNG ĐỨC MÀ LÀ CẦU BỎ PHIỀN NÃO. Nhưng phải nói anh muốn có từ tâm, muốn có trí tuệ, có thiện định, tâm úy, có đức tin, bố thí, trì giới, phục vụ, cảm thông, tha thứ v.v... thì anh PHẢI CÓ ĐỜI SỐNG CHÁNH NIỆM. Bởi vì khi anh thất niệm rồi thì sụp hố anh không biết. Sống thất niệm giống như một người đi tìm vàng, tìm trầm, đi buôn qua sa mạc, trên biển mà thiếu cẩn trọng vậy. Chỉ cần thiếu cẩn trọng có thể bị chết trên biển trong rừng, trên sa mạc, núi cao... Chánh niệm quan trọng như vậy đó.

Cho nên tôi tin Phật ở điều Ngài dạy là “Chỉ có chánh niệm con mới an lạc, mới an toàn”. Điều này tôi tin! Tôi thấy ở bản thân tôi. Tôi mà thất niệm, có những lúc cả tuần lễ mà tôi sống niệm mạnh (niệm mạnh đây tôi không dám nhận là hành giả nghe, tôi uống mật gấu cũng không dám) tôi tập một tuần như vậy, không tiếp phone, đi ra vô một mình, ngay cả trồng hoa, tưới cây tĩa kiếng tôi tâm niệm một tuần này là tôi sống chánh niệm. Ở bên Châu Âu tôi làm điều này rất tốt. Bên đó khách khứa ít, họ chỉ đến theo định kỳ, và họ đến có báo trước. Thì những ngày tháng sống như vậy nó an lạc lạ lắm quý vị. May mà chưa có đặc gì đó! Về điểm này tôi tin Đức Phật.

Điều cuối cùng tôi tin ở Đức Phật đó là tất cả những gì mình thích hay ghét đều làm mình khổ hết. Thích thì nó là gánh nặng kiêu thích. Mà mình ghét bỏ mình trốn chạy nó thì nó lại là gánh nặng kiêu khác. Mình càng mong nó sẽ thấy nó lâu đến mau đi. Còn càng có ý trốn chạy nó thì tự nhiên nó sẽ mau đến mà lâu đi. Tôi ví dụ chuyện nhỏ thôi. Thí dụ hành giả tu Tứ Niệm xứ ngồi xếp bằng lại nó đau quá, ngứa quá, nóng nực, khó chịu, tê mõi quá, mà mình có ý mong cho nó hết là nó sẽ nằm lý ở đó không chịu đi. Rồi mình mong có cơn gió mát, mong tiếng chuông giờ xả thiền thì sẽ thấy nó dài đằng đằng nó không chịu tới.

Cho nên thương thích và ghét sợ nó là một cặp trời sinh. Trong Kinh Đức Phật đã dạy như vậy. Đối với người chắm dứt dục ái thì người đó không còn sân. Người không còn sân thì dứt khoát người đó không còn dục ái. Bởi vì dục ái và sân là một cặp. Đó là trong Vipassana. Còn trong Samatha thì khi đắc đến Tứ thiền rồi hành giả sẽ không còn khổ và lạc, vì khổ và lạc là một cặp. Ghét với thương là một cặp. Dục ái và sân là một cặp. Bất mãn và đam mê, vui với buồn, thương với ghét đều là một cặp.

Nên hễ không còn thương thích đam mê thì cũng không còn bất mãn trốn chạy vì đây là một cặp. Hễ người nào sân nhiều thì mình hiểu ngầm người này có nhiều đam mê, tuy trước mắt mình họ có thể là người rất giản dị, nhưng tận đáy sâu tâm cảm họ thì chắc chắn họ có những đam mê, trông đợi gì đó mà không được nên họ mới bất mãn. Thí dụ có những người dơ chút xíu chịu không được vì họ luôn luôn trông đợi cái sạch. Có những người suốt ngày vẻ mặt của họ như cái nùi giẻ vậy. Là tại vì họ thấy cái này dơ, cái kia dơ, một chút xíu bụi chịu không nổi, một giọt nước dính trên bàn

chịu không nổi. Vì sao? – Vì họ đã có niềm trông đợi, chờ mong sự sạch sẽ quá nhiều. Có những người một chút tiếng động cũng không chịu nổi vì họ đã chờ mong sự yên tĩnh quá nhiều. Khi mình có lòng trông đợi, chờ mong cái gì đó quá nhiều thì mình sẽ thường trực sống trong bất mãn khi không có được nó.

Cho nên đây là những điều chúng tôi dựa vào đó để tin Phật dù chúng tôi chưa có thần thông. Chúng tôi không phải là người cuồng tín chưa thấy đã tin mà chúng tôi dựa vào cái này nên tin Phật nói đúng. Chính Đức Phật cũng như khoa học nhìn nhận với chúng ta một điều là vạn hữu có nhiều hình thức tồn tại. Không phải cái gì có trên đời này chúng ta cũng nhận biết nó qua hình ảnh âm thanh bằng mắt bằng tai. Khoa học cũng nhìn nhận và tôi cũng đã nói không biết bao nhiêu lần là âm thanh có những tần số hạ âm mà tai thường không nghe được. Chỉ con vật như chó hoặc những phương tiện điện tử nó ghi nhận được. Như vậy những tần số âm thanh đó không phải không có mà vì nó quá thấp, nó vượt khỏi khả năng ghi nhận của mình. Chỉ vì cấu trúc sinh học của mình chỉ cho phép đến mức đó thôi. Mắt cũng vậy, người cận thị ở mức nào, mấy chấm, người viễn thị ở mức nào, mấy chấm thì họ còn thấy được cái gì đó, mà qua khỏi mức đó hoặc dưới mức đó họ không thấy được. Mũi cũng vậy. Con chó nó biết được mấy trăm mùi mà con người mình thì không. Nói vậy có nghĩa là không phải cái gì mình không thấy là không có. Vạn hữu có nhiều hình thức tồn tại từ cực thô cho đến cực vi.

Chúng tôi vừa ôn lại cho quý vị bài Kinh Tệ Túc. Ngài Kumara Kassapa tìm mọi cách cho vua thấy rằng muốn tin cái gì cũng phải có bằng chứng; nhưng muốn bác cái gì cũng phải tìm bằng chứng.

#### BÀI KINH BA LÊ – PATIKA SUTTA

Bài Kinh này nếu quý vị tự đọc thì chắc chắn 99% trong room này đồng ý với chúng tôi là hơi khó đọc, không phải ghê gớm khó hiểu mà vì nội dung lê thê mà lại hơi lạ so với những bài khác. Bài Kinh này toàn là chuyện kể nhiều hơn. Tôi giúp quý vị một việc trong bài này nói riêng cũng như trong lớp Kinh Tạng nói chung là đọc lại diễn dịch lại nội dung Kinh căn cứ theo Chú giải, và trình bày cho nó mềm hơn gọn hơn một chút.

Nội dung bài Kinh nói nhiều điều:

\* Thế Tôn có trí tuệ bao la như hư không. Ngài có bao nhiêu điều để nói với chúng ta. Ấy vậy mà nếu duyên lành chúng ta ít quá, trí tuệ chúng ta ít quá, huệ căn mình hạn chế quá thì khi mình gặp một vị Chánh Đẳng Chánh Giác mình không có chuyện gì để mình học ở Ngài, nếu có là có rất ít. Trong Tăng Chi Ngài nói rõ:

“Này các tỳ kheo, có những người lọt xuống hố phân mà họ lọt nửa người thì Như Lai còn có chỗ nắm. Họ lọt lên tới ngực Như Lai cũng còn có chỗ nắm. Họ bị ngập tới cổ Như Lai còn có chỗ nắm. Họ ngập lên tới mũi Như Lai còn có chỗ nắm. Họ ngập lên tới trán, họ còn ló búi tóc Như Lai còn có chỗ nắm, thậm chí còn một chòm tóc Như Lai cũng còn có chỗ nắm kéo họ lên. Nhưng có những người, này các tỳ kheo họ lọt sâu đến mức mà họ không còn ló cái gì lên để Như Lai cầm nắm”.

Khiếp như vậy đó! Tôi năn nỉ van xin các vị đừng có bao giờ nghĩ rằng Thế Tôn là toàn năng, muốn làm cái gì thì làm. Đây là cách nghĩ mình tưởng là mình tôn vinh Đạo sư nhưng thực ra là mình phi báng Đạo sư. Vì sao? – Vì nếu Thế Tôn là toàn năng, muốn làm gì thì làm thì hôm nay chúng ta đâu có chuyện ngồi đây đánh vật với Paltalk bữa nói được bữa không, bữa nghe được bữa nghe không. Làm sao mà hôm nay chúng ta còn sống trong một thế giới đầy đe dọa thiên tai nhân họa như thế này; Hôm nay chúng ta đã về trời ngồi hết, toàn là thánh nhân hết rồi!

Vấn đề là Phật trí vô biên nhưng chỉ độ người hữu duyên. Cho nên mình thấy ông Bhaggava này được gặp Phật, được xuất gia, nhưng các vị coi kỹ đi. Xuyên suốt bài Kinh là câu chuyện giữa Thế Tôn và du sĩ tên là Bhaggava kể lại một nhân vật là Sunakkhatta, lát nữa đây tôi sẽ nói rõ về nhân vật này. Tôi điểm nội dung chung bài Kinh này sợ lát nữa tôi quên.

Một trong những nội dung lớn của bài Kinh này là, một khi vốn liếng tu hành, vốn liếng hàm dưỡng của anh nghèo quá thì cho dầu anh có gặp vị Chánh Đẳng Chánh Giác đi nữa thì cái anh nhận được từ Ngài rất hạn chế, và khả năng anh làm phiền Ngài rất là lớn! Có những vị đến với Phật chỉ bằng một câu nói thôi rồi sau đó về rừng viên tịch. Đức Phật đã tán thán những vị đó như thế này: “Này các tỳ kheo, đó là một bậc hiền trí, đến với chánh Pháp này không làm phiền nhiều Như Lai”. Câu nói đó mình đọc qua nghe không có gì ghê hết, nhưng nếu quý vị ngồi ngẫm ngẫm lại thấy nó sâu

lắm. Đức Phật đã bao nhiêu máu, bao nhiêu xương Ngài đổ trong dòng luân hồi để trở thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Ai Ngài cũng thương, thương hơn cả mẹ thương con. Mẹ có lúc còn đánh con đau, có lúc muốn mắng con một trận cho đã nư, nhưng Thế Tôn thì không. Thế Tôn không muốn mắng không muốn đánh ai hết. Ấy vậy mà có người Ngài độ không được là vì họ không có duyên. Cái trí Ngài hiểu hết căn tánh chúng sinh. Ngài biết người này huê căn như vậy như vậy, trí tuệ đức tin, giới hạnh, phước báo, cái tham, sân người này như vậy như vậy cái khuynh hướng tâm lý người này như vậy như vậy v.v... Ngài biết rất rõ, nhưng Ngài thấy người này không có chỗ nào để Ngài gọi là gọi ý cho họ giác ngộ, không có, không có chỗ!

Cho nên nội dung thứ nhứt bài này là: Nếu kiếp này anh không đắc gì hết thì tối thiểu anh phải tu phải học như thế nào đó để mai sau anh gặp Phật, tối thiểu không được là tỷ kheo đệ nhất này đệ nhất kia thì ít ra anh cũng được câu ‘Đó là bậc hiền trí’: “Này các tỷ kheo, vị đó là bậc hiền trí đến với Chánh Pháp này, làm xong lời ta dạy và ra đi trong lặng lẽ, không có làm phiền nhiễu Như Lai.

\* Ông Sunakkhatta này có tiền kiếp từng giết chết một vị Phật Độc Giác. Vị Độc Giác có điếm là ngài tự ngộ nhưng không cần có 32 tướng tốt. Có điều đặc biệt là nữ thì không bao giờ thành Độc Giác. Vì một người nữ muốn thành Độc Giác thì khi ba la mật tròn đủ tự nhiên người này sẽ là nam. Ở đây không phải vấn đề kỳ thị mà đó là chuyện tự nhiên. Khi anh tu hành đến mức độ nào đó thì tự nhiên trong tâm khảm, trong đáy lòng của anh không còn chỗ cho nữ tính nữa. Nhớ nghe! Nên tất cả các bậc tự ngộ khi đạt tới chỗ đó tự nhiên họ không còn chỗ cho nữ tính. Thế là họ phải mang thân nam. Tuy nhiên Chánh Đẳng Giác không bao giờ bị tử thương bởi sự tấn công của ai khác: ‘Đao thương bất nhập bách độc bất xâm’. Nhưng riêng Độc Giác thì không. Độc Giác tuy tự ngộ nhưng có thể do tiền nghiệp mà bị ai đó giết.

Trường hợp này cũng vậy. Ông Sunakkhatta này kiếp trước từng giết chết vị Phật Độc Giác bằng cách bắn một viên sạn vào trong lỗ tai ngài. Ông chết rồi ông bị đọa địa ngục rồi khi ông trở lên nhiều đời và nhiều đời ông cứ bị chết thảm, cứ bị tay bay họa gởi, tên bay đạn lạc, chết bờ chết bụi, chết sông chết suối, chết ghềnh chết bãi, toàn là các kiểu đó không. Đặc biệt ông bị điếc triền miên, cứ sanh ra là điếc. Các vị hỏi sao kỳ, thì cái đó là bất khả tư nghì của nghiệp! Do ông cố ý tấn công nhĩ căn của người ta nên đời sau sanh ra nhĩ căn ông có vấn đề.

Như trong Kinh nói vua A Dục làm rất nhiều phước, trong đó có cái phước đặc biệt là thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, ông từng là một đứa bé. Bữa thấy Đức Phật đi bát lúc đó ông đang lấy đất nắn thành quách nhà cửa. Ông gặp Ngài ông thương quá đi. Thương quá mà đâu có gì cúng, ông mới bê nguyên đồng đất ông nặn đem cúng cho Ngài. Đức Phật mới nói với ngài A Nan lấy miếng đất đó bẻ nhỏ nhỏ ra rải trước đường để Ngài đi lên cho đứa bé đó hoan hỷ. Thì lúc đó tay chân đứa bé dơ hầy mà vật nó cúng cũng là bùn đất, nên nó cúng, hoan hỷ thì có hoan hỷ nhưng có pha một chút áy ngại. Áy ngại vì lễ phẩm hơi dơ. Mà cái này thuộc về nghiệp quả bất khả tư nghì. Cho nên mấy trăm năm sau đứa bé đó là vua A Dục, sanh ra quyền lực nghiêng trời, phước báo hưởng không hết, nói theo trong Kinh cái uy lực của vua A Dục từ mặt đất mà cảm được chư thiên một do tuần lên trên, cảm xuống dưới lòng đất một do tuần. Cho nên Long xà, thiên thần trong tầm đó mà ông đi đến đâu đều nể mặt ông ba phần hết.

Có một lần, ông đi đến hồ nước gặp Long Vương. Ông hỏi Long Vương có biết chỗ nào (ta nghe giảng rằng) thờ răng của Thế Tôn dất ta đến cho ta thấy. Long Vương mới đưa ông đi coi. Ông tự biết oai lực mình nhiều, ông nói “Ta là vị đại đế coi cả Diêm Phù Đề này, toàn cõi Ấn Độ. Ta muốn rước chiếc răng này về thờ trong cung”. Long Vương nói khoan, ngài nhìn kỹ chúng tôi đã tôn trí chiếc răng trong điện thờ như thế nào. Nếu ngài nhắm sẽ làm hơn như vậy thì ngài đem đi. Còn nếu ngài không bị được thì xin ngài để lại đây cho chúng tôi thờ.

Rồi vua A Dục nhìn thấy kim cương, ngọc trai tảng tảng chớ không còn là viên nữa, mà là tảng. Còn dạ minh châu thì thúng này qua thúng nọ, đầy rẫy tới không cần đốt đèn. Còn mã não, san hô, hổ phách thì đầy ra, một số lượng mà ông có năm chiêm bao cũng không thấy được. Ông mới nhìn nhận: “Đúng, ta là đại đế, coi cả cõi Diêm Phù Đề nhưng phải nói một điện thờ quá cỡ thế này không cách chi ta có nổi. Sự bảo trì nghiêm mật như thế này ta cũng không có nổi”.

Cho nên ông quyền lực như vậy, nhưng do hồi xưa ông bỏ thí có chút lòng áy ngại lễ phẩm hơi dơ nên ông sanh ra có màu da rất xấu. Tướng ông mà theo trong Kinh tả mà mình kết hợp với sách vở

đời nay thì ông y chang như tổng thống Abraham Lincoln của Mỹ vậy đó: người cao lêu khêu, lêu nghêu. Tay chân thì lỏng khỏng mà mặt mày rất khiêm tốn. Cái ngoại dạng, nhân dáng rất là khiêm tốn!

Hơi lạc đề nhưng tôi nói cho nghe cái nghiệp bất khả tư nghì, tại sao ông kia giết Phật Độc Giác nên cái tai ông bị điếc. Chính vì bị điếc, nên khi gặp Phật Thích Ca ông đi xuất gia ông đắc được Tứ thiên nhưng lại không có Ngũ thông. Là vì Ngũ thông trong đó có cái thiên nhãn thiên nhĩ. Mà ông này thì không tài nào đắc thiên nhĩ được, do nghiệp lực ngày xưa nó cản. Cho nên ông nhìn thấy chư thiên đi đứng, miệng nhép nhép, cười nói tùm lum mà ông chỉ thấy thôi chớ không có nghe được. Ông ức lắm nên vô hỏi Phật là Phật có thể hướng dẫn ông cho ông có thiên nhĩ hay không. Đức Phật biết cái tiền nghiệp của ông nên dạy ông là hãy đừng nghĩ đến chuyện đó nữa. Ông mới hỏi Thế Tôn có khả năng đó hay không. Thế Tôn nói có khả năng đó. Ông nói nếu Thế Tôn có thì Thế Tôn dạy cho con. Đức Phật nói là ông không thể làm chuyện đó. Lúc đó ông oan trái với Đức Phật. Ông nghĩ Đức Phật một là giấu nghề, hoặc hai là thực sự không có khả năng đắc thiên nhĩ.

Ông bắt măn chuyện đó rồi ông kiếm chuyện khác. Ông không chịu học giáo lý Duyên khởi, không chịu học A Tỳ Đàm mà ông lại đi tìm hiểu nguồn gốc thế giới theo quan điểm của thế gian. Như là cái vòng luân hồi này được bắt đầu như thế nào, hồi nào. Mà lẽ ra Đức Phật ngài dạy rất nhiều lần. Ngài không nói nguồn gốc thế giới qua khía cạnh không gian và thời gian như chúng sinh, Ngài không nói con gà có trước hay cái trứng có trước mà chỉ nói làm sao có cái trứng, chỉ vậy thôi. Còn chuyện trước đây thoát kỳ thủy, buổi đầu làm sao gà có hay trứng có trước. Bởi vì nguồn gốc thế gian mà suy luận theo phạm phu thì Ngài có nói cho mình biết mình cũng bị điên, mình hiểu không nổi. Nội cái không gian nói chiều thứ tư chiều thứ năm mình nghe là đã mad rồi.

Thứ hai, vấn đề mình phải giải quyết không phải chuyện nguồn gốc kiểu đó, mà vấn đề chính là ‘Tôi đã vì đâu có mặt trong kiếp sống này, và làm sao kiếp kế tôi đừng tái sanh nữa?’ Nhớ bao nhiêu đó.

\* Sẵn đây tôi nói luôn kỳ rồi lớp dạy bên Houston tôi đã gom lại giáo lý Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ trong một công thức mà tôi mong rằng hôm nay trong dịp học về ông Sunakkhatta này ông đến hỏi Thế Tôn về vũ trụ quan, thì nhân dịp này tôi ôn lại cho bà con, vì tôi e rằng bà con không có dịp nghe lại loạt bài giảng đó. Biết đâu trong room có người nghe loạt bài giảng này đắc được thì công đức tôi vô lượng! Tôi rất tâm đắc mấy bài này, một ngày giảng 8 tiếng mà 7 ngày như vậy! Bữa hôm tôi giảng thế này:

Toàn bộ thế giới, vô lượng vũ trụ này chỉ gói gọn trong đau khổ và hạnh phúc, trong thiện và trong ác mà thôi. Bốn chữ: thiện – ác – buồn – vui.

- Thiện cách mấy cũng cho ra cái vui vô thường.
- Ác cách mấy cũng cho ra cái buồn, khổ vô thường.
- Thiện là gì? – Thiện nghiệp là sáu căn biết sáu trần bằng tâm lành (tâm thiện).
- Ác nghiệp là 6 căn biết 6 trần bằng tâm bất thiện.
- Hạnh phúc (do thiện nghiệp) là 6 căn biết 6 trần như ý.
- Đau khổ là 6 căn biết 6 trần bất toại.

Thiện – > (tạo ra) hạnh phúc

Ác – > (tạo ra) đau khổ

Thiện là 6 căn biết 6 trần bằng tâm thiện thì bây giờ anh biết 6 căn của anh biết 6 trần bằng tâm thiện thì mai này anh có 6 căn biết 6 trần như ý.

Ác nghiệp là khi 6 căn của anh biết 6 trần bằng tâm bất thiện thì mai này 6 căn 6 trần của anh bất toại.

Ở đây nếu có người hỏi 6 căn biết 6 trần là sao thì tôi xin giải thích thêm. Khi các vị làm động tác bồ thí có phải các căn (6 căn) đang làm việc không? Khi trì giới có phải 6 căn đang làm việc không? Khi các vị đánh lộn cũng có phải 6 căn đang làm việc không? Các vị ăn phở, đánh ghen, đốt nhà, cướp của, quét chùa, đúc tượng, in Kinh ... có phải là 6 căn đang làm việc không? – Việc thiện ác gì cũng do 6 căn làm việc.

Như vậy tôi quay lại: Sunakkhatta không chịu học giáo lý, không chịu học mấy số 6 này. Sunakkhatta phải hiểu rằng thay vì đi tìm khởi nguyên thế giới theo nghĩa của thế gian thì mình đi

tìm nguyên nhân nào đã tạo ra thế giới này. Thế giới này là gì? – Thế giới này chỉ gồm 4 thứ: thiện ác buồn vui.

Thiện là 6 căn biết 6 trần bằng tâm lành. Khi 6 căn nó biết 6 trần bằng tâm lành thì nó là nhân, nó sẽ tạo ra quả là 6 căn biết 6 trần như ý.

Còn ác là khi nào 6 căn biết 6 trần bằng tâm ác thì đó là nhân, sẽ tạo ra quả là 6 căn biết 6 trần bất toại.

Chỉ bao nhiêu đó thôi. Không có người, không có thú, không có phàm có thánh gì hết. Chỉ có mấy con số 6 này thôi.

Cứ đọc như con nít vậy đó, mà tôi năn nỉ cầu khẩn van xin quý vị làm ơn ba cái vụ niệm này niệm kia dẹp hết. Vì niệm một đồng mà phiền não không bỏ được thì niệm dùm tôi mấy câu này cũng được. Đừng có nghe quỵến rủ gây mê cứ đi niệm ba cái quái gỡ, cầu cái này cầu cái kia. Làm ơn niệm mấy con số 6 này thôi. Bữa hôm bên Houston tôi làm cho một mách. Tôi nói ‘nguyên đấm quý vị bú bình’. Mà cũng may, tôi tới ngày đầu tiên họ là đấm bú bình mà tới ngày tôi đi họ mọc răng, mà coi như họ ăn mía được luôn. Tôi rất là mừng! Cái ngày tôi đi khi tôi dò bài lại tôi thấy họ ‘ăn mía được’, ‘nhai xương’ được luôn, mà cái ngày đầu tiên đó họ chỉ có răng sữa thôi, nghe!

Cho nên nhớ cái này, đọc như con nít, rất quan trọng:

“Toàn bộ vũ trụ chỉ là thiện ác buồn vui. Thiện là gì? – Thiện là 6 căn biết 6 trần bằng tâm lành. Ác là gì? – Ác là 6 căn biết 6 trần bằng tâm ác. Hạnh phúc là 6 căn biết 6 trần như ý. Đau khổ là 6 căn biết 6 trần bất toại”.

Bữa tôi nghe ông đó ông nói một câu mà tôi vừa đau lòng dùm ông mà cảm giác cũng rất là khó nói. Ông nói ‘Bản thân con và nhiều bạn bè đi chùa mấy chục năm bây giờ hơn một nửa đã lên bàn thờ mà nói tới giáo lý âm a âm ớ’. Đi chùa Nam Tông mấy chục năm tới bây giờ người ta kêu cầu vãng sanh vẫn mê, là vì đâu? – Là vì mình không biết là trong Tam tạng Pali nói cái gì. Thế là hôm nay lấy cái tay lừa cái tử Kinh qua một bên để rồi cầu vãng sinh. Có động trời hay không? Là vì mấy chục năm qua họ chỉ được kêu gọi làm phước thôi. Mà nó khổ một nỗi trong room này tôi biết có nhiều người nghe cái này họ rất giận mà tôi không thể không nói: đó là đại họa của Phật giáo! Người có điều kiện hoằng Pháp thì không muốn hoằng hoặc không biết hoằng. Còn người có thể hoằng được thì họ lại không có điều kiện. Mà Phật tử thì là một đấm đồng rất lạ lùng. Họ là một lực lượng đáng nể, đáng sợ nhưng đôi khi cũng là đáng ...chán! Là bởi vì họ đi theo cái trào lưu, anh nào mạnh họ đi theo, ‘Phù thịnh bất phù suy’. Cứ chùa to Phật lớn tiếng tăm lừng lẫy thì nói tào lao thiên tướng nhắm mắt họ đi theo. Họ không có khả năng giám thích, nói rất là buồn! Bây giờ có rất nhiều người Nam Tông bỏ đi qua Bắc Tông mà lý do là vì họ không được học giáo lý. Tôi nói rõ giáo lý không hề có Nam Bắc. Vấn đề là giáo lý đó có phải con đường dẫn đến an lạc giải thoát hay không. Cho nên phải nhớ bốn cái này.

\* Chính vì Sunakkhatta không nhớ bốn cái này nên Sunakkhatta có những cái tà kiến, mong đợi, chờ trông rất là tào lao. Dĩ nhiên cuối cùng các vị thấy hai câu chuyện được kể lại trong bài Kinh này cuối cùng là: Sunakkhatta khi mà bất mãn đã lia bỏ Thế Tôn. Sunakkhatta quay lại với những người thầy ngoại đạo, rồi cuối cùng cả thầy lẫn trò đều không đi về đâu hết. Nội dung bài Kinh này quan trọng nhứt là gì?

“Khi anh không có hành trang thích hợp, khi anh không có khả năng hàm dưỡng tu tập hành trì thì dầu có gặp Chánh Đẳng Chánh Giác đi nữa thì cái lợi lạc mà anh có được: một là không có, hai là cực kỳ hạn chế và làm phiền các ngài mà thôi”.

Nội dung thứ hai là đoạn cuối bài Kinh nói không rõ lắm, nhưng trong Chú giải nói rất rõ:

“Du sĩ Bhaggava nghe xong bài Kinh quan trọng như vậy nhưng không thể đoạn trừ một chút phiền não nào hết. Nhưng bài Kinh này đã là một chút duyên lành, một chút chủng tử cho việc giác ngộ mai này của du sĩ”.

Câu này rất là buồn. Tức là những nhân vật được kể trong câu chuyện này và cả nhân vật được nghe lại đều là những người vô duyên vô phước! Đối với tôi, bài Kinh này là một thau nước đá (chớ không phải nước lạnh) tạt vô mặt, để tôi tỉnh ra, tôi mới nhớ ra: ‘À thì ra chúng ta có lọt vào một thung lũng đầy kim cương đi nữa mà nếu chúng ta bị mù thì trượt quớt. Nếu chúng ta bị dốt nát không biết kim cương là cái gì, không biết cách sử dụng kim cương để thay đổi cuộc đời, chúng ta



có lọt vào thung lũng kim cương thì cũng vậy thôi”. Cũng vậy, khi mình thiếu duyên lành, thiếu công đức thì có gặp Chánh Đẳng Giác ra đời một ngàn vị một triệu vị thì cũng vậy thôi. Tôi biết nhiều người rất là khó chịu, nói một vị chớ sao nói tới ngàn vị. Đúng! Mà mình gặp đâu có dưới một tỷ. Số Phật mà mình gặp – Chánh Đẳng Giác đó – mình gặp chắc là tám trăm ngàn tỷ chớ không phải là tỷ. Mình đã gặp nhiều lắm. Luân hồi mà, biết bao nhiêu nêu so với vòng luân hồi. Mà mình giờ vẫn còn ngồi đây, là tại vì mình không có trang bị gì hết.

Cho nên nội dung thứ hai bài Kinh này là:

“Nếu không đủ duyên để chứng Đạo thì tối thiểu chúng ta cũng gieo được duyên lành”.

Hôm nay quý vị học một miếng giáo lý thì gieo được một miếng. Mai này mình gặp Phật mình đót ngắn giai đoạn được một chút. Mình đỡ làm phiền Ngài một chút. Tội nghiệp Ngài! Coi Kinh thường, nghe giảng thường phải nói thương Phật lắm. Rất là thương! Muốn thương Phật dễ lắm, mình nghĩ lại mình nè. Một lần mình nhin ai đó nó khó cỡ nào, quý vị. Một lần mình rút ruột mình lấy một phần nhỏ một phần ngàn tài sản mình cho nó khó cỡ nào, quý vị. Một lần mình chiết thời gian, chiết chút xíu công sức mồ hôi để giúp đỡ người khác khó cỡ nào. Một lần mình làm thiện khó cỡ nào. Một lần mình tu chánh niệm, một lần tu samatha, tu vipassana khó cỡ nào. Một lần đứng trước cám dỗ mà giữ được giới khó cỡ nào. Một lần mình biết dành thời gian để học Đạo mà học bằng niềm đam mê hứng thú nó khó cỡ nào... Mà Đức Thế Tôn đã trải qua vô lượng đại kiếp Ngài làm hết những cái khó đó. Kinh khủng lắm chớ không phải tầm thường!

Tôi nhắc lại. Một lần mình làm được thiện sự nào nho nhỏ, một công đức bé bé là mình đã thấy nó khó rồi. Mà bây giờ Ngài đã tu bao nhiêu để Ngài có Giới như vậy, có Định như vậy, có Tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, có tri kiến như vậy. Ngài có được chừng đó công đức để có thể làm cha lành ba cõi, làm Đạo sư của muôn loài đâu phải dễ quý vị. Hạnh lành của Chánh Đẳng Giác thì nhiều lắm, mà trong đó có nổi bật điều này. Là Ngài hướng đến Trí tuệ không có điều gì Ngài không biết. Bởi chính vì cái gì Ngài cũng biết nên Ngài mới có thể độ được tất cả những người hữu duyên. Nghĩa là Ngài nhìn cái mũi mình là Ngài biết mình muốn cái gì. Biết căn cơ mình trong nhiều đời nhiều kiếp nó hợp với cái gì. Bên cạnh Trí tuệ Ngài còn có cái Đại Bi. Đặc điểm của chư Phật là đại trí và đại bi. Dĩ nhiên còn vô số hạnh lành khác nhưng phải nói niệm Phật mà mình nhớ hai cái gọn nhất là hai cái đó.

À quên, bữa hôm trong hai cái lớp giảng ở tôi có nhắc lại cái kiểu lạy Phật của tôi mà tôi thấy một số người cũng có vẻ đồng tình:

Cái lạy thứ nhất khi quỳ trước tượng Phật, là Thế Tôn không có thể giúp cho con thoát chết, nhưng Thế Tôn có thể giúp cho con không sợ chết, coi cái chết không ra gì.

Cái lạy thứ hai là Thế Tôn không thể cho con những gì con muốn nhưng Thế Tôn có thể giúp cho con không muốn cái gì.

Cái lạy thứ ba, Thế Tôn không thể đưa mọi người đi đến vô lượng vũ trụ tham quan nhưng Thế Tôn có thể dạy mọi người thấy rằng đi đâu cũng vậy thôi. Trong room còn nhớ ba cái này không ta. Ba cái này rất quan trọng!

Mỗi người có một cách lạy Phật. Thí dụ : cái lạy thứ nhất là Thế Tôn thành tựu Giới hương. Cái lạy thứ hai là Thế Tôn thành tựu Định hương. Cái lạy thứ ba là Thế Tôn thành tựu Tuệ hương. Nhưng đặc biệt ba điều tôi vừa nói là ba vấn đề giáo lý rất quan trọng: Thế Tôn không thể giúp con không chết nhưng Thế Tôn có thể giúp cho con coi thường cái chết. Thế Tôn không thể cho con những gì con muốn nhưng Thế Tôn có thể dạy con không muốn cái gì. Thế Tôn không thể dắt con đi đến bất cứ nơi nào con cần con thích nhưng Thế Tôn có thể dạy cho con thấy rằng đi đâu cũng vậy thôi.

Đây là ba điều quan trọng mà tiếc rằng Sunakkhatta đã không có dịp biết tới. Thế là Sunakkhatta đã hướng tới những điều rất vớ vẩn tào lao và đã lia bỏ Thế Tôn.

Tôi vừa trình bày cho bà con bài Kinh Ba Lê. Những gì mà chúng tôi vừa nói nếu mà bà con hữu duyên, bà con không có tệ như Sunakkhatta thì bài học sáng nay đã đủ bù cho thời gian vừa qua mà chúng ta không có học. Làm ơn nhớ dùm ba con số 6 quan trọng vô cùng. Làm ơn nhớ ba cái đó nó quan trọng kinh hoàng lắm!

Một, vấn đề của vô lượng vũ trụ là gì? – Vấn đề của tất cả chúng sanh là không biết vấn đề của mình nó nằm ở đâu. Chính vì không biết vấn đề của mình nó nằm ở đâu nên cái không biết đó là vấn đề lớn nhất.

Vấn đề của tất cả phàm phu là chúng ta không hiểu rằng toàn bộ vô lượng vũ trụ nó chỉ là THIỆN – ÁC – BUỒN – VUI. Không có thiện ác buồn vui thì làm gì có chúng sinh, có thế giới.

Thiện là 6 căn biết 6 trần bằng tâm lành,

Ác là 6 căn biết 6 trần bằng tâm bất thiện.

Buồn là 6 căn biết 6 trần bất toại.

Vui là 6 căn biết 6 trần như ý.

Thiện thì tạo ra hạnh phúc. Hạnh phúc là 6 căn biết 6 trần như ý,

Ác nó tạo ra đau khổ. Đau khổ là 6 căn biết 6 trần bất toại.

Cứ bao nhiêu đó đọc tới đọc lui. Các vị có thể liên kết dùm tôi, vẽ bản đồ là:

Thiện (6 căn biết 6 trần bằng tâm lành) => Hạnh phúc (6 căn biết 6 trần như ý).

Ác (6 căn biết 6 trần bằng tâm ác) => Đau khổ (6 căn biết 6 trần bất toại).

Nhớ cái này là hành giả Tứ niệm xứ sướng vô cùng. Mai này có đi qua Miền Điện, đi đâu ngồi thiền cứ nhìn cái gì cứ nhớ mình nhìn bằng tâm bất thiện là : ‘ Rồi, 6 căn biết 6 trần bằng tâm ác’ thì nó sẽ tạo ra ‘6 căn biết 6 trần bất toại’. Mà hễ ‘6 căn biết 6 trần bằng tâm lành’ thì nó sẽ tạo ra ‘6 căn biết 6 trần như ý’.

Cứ nhớ bao nhiêu đó. Mà có một điều nữa: NÓ BẤT TOẠI CỠ NÀO THÌ NÓ CŨNG VÔ THƯỜNG. MÀ NÓ NHƯ Ý CỠ NÀO THÌ NÓ CŨNG VÔ THƯỜNG.

Nhớ nghe. Cho nên tôi nói giáo lý mình có ba cấp:

- Cấp một, biết đạo rồi sợ ác không làm nữa.

- Bước hai biết thiết tha yêu mến điều lành.

- Bước ba, tiếp tục lánh ác làm thiện nhưng trong tâm trạng hiểu rằng tất thảy đều là của giả, đều là của tạm, đều là phương tiện.

Đó là ba bước, bước một lánh ác vì không muốn khổ. Bước hai hành thiện vì muốn được vui. Bước ba thấy rằng khổ hay vui đều là vô ngã vô thường. Ba cái này rất là quan trọng.

Chúc các vị một ngày vui và hẹn lại ngày mai./.

---

**XIN LƯU Ý:**  
**ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP**  
**CHƯA ĐƯỢC SƯ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.**  
**QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM**  
**TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.**  
**XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

---